

## 1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức. Học sinh ôn tập các kiến thức về:

### Chương 8: Địa lí dân cư

- Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới
- Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới

### Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế

- Các nguồn lực phát triển kinh tế
- Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia

### Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
- Địa lí ngành nông nghiệp
- Địa lí ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Kỹ năng nhận xét biểu đồ và nhận diện biểu đồ (miền, đường, tròn, cột).
- Kỹ năng vẽ biểu đồ (miền, đường, tròn, cột).

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Các dạng câu hỏi định tính:

Câu 1. So sánh sự khác nhau giữa GDP và GNI. Cho biết trong trường hợp nào GDP lớn hơn GNI và trong trường hợp nào GDP nhỏ hơn GNI?

Câu 2. Hãy phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản?

Câu 3. Trong các nhân tố, nhân tố nào có vai trò quyết định đến xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản? Tại sao?

Câu 4. Ngành chăn nuôi phát triển có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển ngành trồng trọt và các ngành công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

Câu 5. Trình bày vai trò và đặc điểm của ngành thủy sản?

2.2. Các dạng câu hỏi định lượng: Bài tập về kỹ năng vẽ, nhận xét biểu đồ và nhận diện biểu đồ (tròn, đường, cột).

### Câu 1. Bảng dân số thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020

Đơn vị: triệu người

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Hà Nội	7,3	7,4	7,5	8,1	8,2

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Vẽ biểu đồ cột đơn thể hiện tình hình dân số thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020 và rút ra nhận xét ?

Câu 2. Cho bảng số liệu:

BẢNG 20.2. TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA THẾ GIỚI,  
GIAI ĐOẠN 1950 - 2020 (Đơn vị: %)

Năm	1950	1970	2000	2020
Thành thị	29,6	36,6	46,7	56,2
Nông thôn	70,4	63,4	53,3	43,8

- Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị và nông thôn thế giới giai đoạn 1950 - 2020.

- Nêu nhận xét.

### 2.3. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TN	TL

1	<b>Chương 8: Địa lí dân cư</b> - Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới - Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới	3	3	1	1	8	1
2	<b>Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế</b> - Các nguồn lực phát triển kinh tế - Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia	4	1	1	1	7	1
3	<b>Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</b> - Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản - Địa lí ngành nông nghiệp - Địa lí ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản	4	2	2	2	10	
Tổng		11	6	4	4	25	2

## 2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa

### PHẦN TRẮC NGHIỆM

#### NHẬN BIẾT

**Câu 1.** Quy mô dân số của một quốc gia là

- A. tổng số dân của quốc gia.                      B. số người trên diện tích đất.  
C. mật độ trung bình dân số.                    D. số dân quốc gia ở các nước.

**Câu 2.** Nước có số dân đông nhất thế giới hiện nay là

- A. Hoa Kỳ.                      B. Liên bang Nga.                      C. Trung Quốc.                      D. Ấn Độ.

**Câu 3.** Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em sinh ra còn sống trong năm so với dân số trung bình ở

- A. lúc đầu năm.                      B. vào giữa năm.  
C. cùng thời điểm.                      D. vào cuối năm.

**Câu 4.** Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quan trọng nhất đến tỉ suất sinh của một quốc gia?

- A. Tự nhiên - sinh học.                      B. Phát triển kinh tế - xã hội.  
C. Phong tục tập quán.                      D. Tâm lí xã hội.

**Câu 5.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.                      B. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.  
C. hiệu số giữa người xuất cư, nhập cư.                      D. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

**Câu 6.** Gia tăng cơ học là sự chênh lệch giữa

- A. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.                      B. số người xuất cư và nhập cư.  
C. tỉ suất sinh và người nhập cư.                      D. tỉ suất sinh và người xuất cư.

**Câu 7.** Tỉ số gia tăng dân số cơ học là

- A. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.                      B. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.  
C. hiệu số giữa tỉ suất xuất cư và nhập cư.                      D. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

**Câu 8.** Gia tăng dân số được tính bằng tổng số của tỉ suất

- A. gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học.                      B. sinh thô và số lượng gia tăng cơ học.  
C. tử thô và số lượng người nhập cư.                      D. gia tăng tự nhiên và người xuất cư.

**Câu 9.** Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và giới tính.                      B. lao động và theo tuổi.  
C. tuổi và theo giới tính.                      D. tuổi và trình độ văn hoá.

**Câu 10.** Tỉ lệ giới tính biểu thị tương quan giữa số lượng dân số

- A. nam hoặc nữ so với tổng số dân.                      B. nam và nữ so với tổng dân số nam.  
C. nữ và nam so với tổng dân số nữ.                      D. của cả quốc gia so với dân số nam.

**Câu 11.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn.                      B. học vấn và nguồn lao động.  
C. nguồn lao động và dân trí.                      D. dân trí và người làm việc

**Câu 12.** Tiêu chí nào sau đây được sử dụng để thể hiện tình hình phân bố dân cư?

- A. Quy mô số dân. B. Mật độ dân số.  
C. Cơ cấu dân số. D. Loại quần cư.

**Câu 13.** Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực có thể phân loại thành

- A. Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, trong nước. B. Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.  
C. Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, ngoài nước. D. Kinh tế - xã hội, trong nước, ngoài nước.

**Câu 14.** Nội dung chủ yếu nhất của cơ cấu kinh tế là

- A. các bộ phận hợp thành và quan hệ giữa chúng.  
B. tổng số chung và tất cả các bộ phận hợp thành.  
C. sự sắp xếp các bộ phận trong cả tổng thể chung.  
D. sự phân chia tổng thể chung thành các bộ phận.

**Câu 15.** Nông nghiệp hiệu theo nghĩa rộng, gồm

- A. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. B. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.  
C. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản. D. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

### THÔNG HIỂU

**Câu 1.** Về mặt xã hội, dân số có tác động rõ rệt đến

- A. tăng trưởng kinh tế. B. thu hút nguồn đầu tư.  
C. thu nhập và mức sống. D. tiêu dùng và tích lũy.

**Câu 2.** Tỉ suất sinh thô **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Tự nhiên - sinh học. B. Biến đổi tự nhiên.  
C. Phong tục tập quán. D. Tâm lí xã hội.

**Câu 3.** Yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định đến tỉ suất sinh của một quốc gia?

- A. Tự nhiên - sinh học. B. Chính sách dân số.  
C. Phong tục tập quán. D. Tâm lí xã hội.

**Câu 4.** Tỉ suất xuất cư là tương quan giữa số người xuất cư đến một vùng lãnh thổ trong năm so với dân số trung bình ở

- A. lúc đầu năm B. vào giữa năm. C. vào cuối năm. D. cùng thời điểm.

**Câu 5.** Gia tăng cơ học **không** có ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số của

- A. quốc gia. B. các vùng. C. thế giới. D. khu vực.

**Câu 6.** Một vùng có nhiều dân nhập cư đến thông thường có nhiều

- A. lao động nam B. lao động nữ. C. người cao tuổi. D. trẻ em nhỏ.

**Câu 7.** Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

- A. giới tính và theo lao động. B. lao động và theo tuổi.  
C. trình độ văn hoá và theo giới tính. D. lao động và trình độ văn hoá.

**Câu 8.** Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến cơ cấu theo giới tính?

- A. Kinh tế. B. Thiên tai. C. Tuổi thọ. D. Chuyển cư.

**Câu 9.** Tỉ số phụ thuộc của dân số biểu hiện quan hệ so sánh giữa dân số ngoài độ tuổi lao động với dân số

- A. trên độ tuổi lao động. B. dưới độ tuổi lao động.  
C. trong độ tuổi lao động. D. ở độ tuổi rất trẻ và già.

**Câu 10.** Tiêu chí nào sau đây cho biết một nước có dân số trẻ?

- A. Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 10%.  
B. Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.  
C. Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 15%.  
D. Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 15%

**Câu 11.** Cơ cấu dân số theo lao động là tương quan tỉ lệ giữa các bộ phận lao động trong

- A. tổng nguồn lao động xã hội. B. tổng số dân số của quốc gia.  
C. tổng người hoạt động kinh tế. D. lao động có việc làm cố định.

**Câu 12.** Nguyên nhân nào sau đây có tính quyết định đến phân bố dân cư?

- A. Trình độ phát triển sản xuất. B. Tính chất của ngành sản xuất.  
C. Các điều kiện của tự nhiên. D. Lịch sử khai thác lãnh thổ.

**Câu 13.** Loại vật nuôi phổ biến khắp nơi trên thế giới là

- A. Gà. B. Lợn. C. Cừu. D. Bò.

**Câu 14.** Nguồn lực nào sau đây đóng vai trò là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất?

- A. Đất, khí hậu, dân số. B. Dân số, nước, sinh vật.  
C. Sinh vật, đất, khí hậu. D. Khí hậu, thị trường, vốn.

**Câu 15.** Cơ cấu lãnh thổ gồm

- A. toàn cầu và khu vực, quốc gia, vùng. B. toàn cầu và khu vực, vùng, dịch vụ.

C. công nghiệp - xây dựng, quốc gia.

D. nông - lâm - ngư nghiệp, toàn cầu.

### VẬN DỤNG THẤP

**Câu 1.** Trong dân số không hoạt động kinh tế **không** có

A. người thất nghiệp.

B. học sinh, sinh viên.

C. người nội trợ.

D. người mất khả năng lao động.

**Câu 2.** Hoạt động kinh tế nào sau đây không thuộc khu vực I?

A. Nông nghiệp.

B. Lâm nghiệp.

C. Công nghiệp.

D. Ngư nghiệp.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phân bố dân cư trên thế giới?

A. Không đều trong không gian.

B. Có biến động theo thời gian.

C. Hiện tượng xã hội có quy luật.

D. Hình thức biểu hiện quần cư.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của đô thị hoá?

A. Là một quá trình về văn hoá - xã hội.

B. Quy mô và số lượng đô thị tăng nhanh.

C. Tăng nhanh sự tập trung dân thành thị.

D. Lối sống thành thị phổ biến rộng rãi.

**Câu 5.** Sự việc nào sau đây **không** được thúc đẩy nhanh bởi đô thị hoá?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.

B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. Sự thay đổi phân bố dân cư.

D. Giảm sức ép tới môi trường.

**Câu 6.** Thành phần nào sau đây **không** được xếp vào cơ cấu thành phần kinh tế của một quốc gia?

A. Nhà nước.

B. Ngoài Nhà nước.

C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

D. Nông - lâm - ngư nghiệp.

**Câu 7.** Chỉ số GNI/người **không** có ý nghĩa trong

A. phản ánh trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia.

B. các tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng cuộc sống.

C. việc so sánh mức sống của dân cư các nước khác nhau.

D. xác định tốc độ tăng trưởng và cơ cấu của nền kinh tế.

**Câu 8.** Vai trò của sản xuất nông nghiệp **không** phải là

A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

B. bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.

C. sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu.

D. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất cho các ngành

**Câu 9.** Yếu tố nào sau đây của sản xuất nông nghiệp ít phụ thuộc vào đất đai hơn cả?

A. Qui mô sản xuất.

B. Mức độ thâm canh.

C. Cơ cấu vật nuôi.

D. tổ chức lãnh thổ.

**Câu 10.** Nhân tố ảnh hưởng làm cho sản xuất nông nghiệp có tính bấp bênh là

A. đất đai.

B. nguồn nước.

C. khí hậu.

D. sinh vật.

**Câu 11.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của việc phát triển cây công nghiệp?

A. Làm sâu sắc thêm tính mùa vụ.

B. Tận dụng được tài nguyên đất.

C. Phá vỡ thế sản xuất độc canh.

D. Góp phần bảo vệ môi trường.

**Câu 12.** Phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây?

A. Tự nhiên.

B. Trồng trọt.

C. Công nghiệp.

D. Thủy sản.

**Câu 13.** Biểu hiện nào sau đây **không** đúng với những tiến bộ của cơ sở thức ăn cho chăn nuôi hiện nay?

A. Các đồng cỏ tự nhiên được cải tạo.

B. Đồng cỏ trồng giống cho năng suất cao.

C. Nhiều thức ăn chế biến từ công nghiệp.

D. Diện tích mặt nước nuôi trồng tăng lên.

**Câu 14.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sản xuất nông nghiệp?

A. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.

B. Đối tượng sản xuất của nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi.

C. Sản xuất bao gồm giai đoạn khai thác tài nguyên và chế biến.

D Sản xuất phụ thuộc nhiều vào đất đai, khí hậu, sinh vật, nước.

**Câu 15.** Để khắc phục các hạn chế do tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp gây ra, cần thiết phải

A. đa dạng hóa sản xuất và xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lí.

B. xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lí và nâng cao độ phì đất.

C. đa dạng hoá sản xuất và phải sử dụng hợp lí và tiết kiệm đất.

D. phát triển ngành nghề dịch vụ và tôn trọng quy luật tự nhiên.

### VẬN DỤNG CAO

**Câu 1.** Các nhân tố nào sau đây có tác động mạnh mẽ đến cơ cấu theo lao động?

A. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế theo ngành.

B. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế thành phần.

C. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần.

D. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ.

**Câu 2.** Đặc điểm của đô thị hoá **không** phải là

- A. dân cư thành thị theo hướng tăng nhanh.                      B. dân cư tập trung vào các thành phố lớn.  
C. phổ biến rộng rãi lối sống của thành thị.                      D. phổ biến nhiều loại giao thông thành thị.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.  
B. Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.  
C. Làm ổn định lâu dài tình hình phân bố dân cư.  
D. Làm thay đổi các quá trình hôn nhân ở đô thị.

**Câu 4.** Yếu tố có tính quyết định đến việc phân cư trên thế giới không đều là sự khác nhau về

- A. phát triển kinh tế - xã hội.                      B. tâm lí, phong tục tập quán,  
C. các điều kiện thiên nhiên.                      D. lịch sử quần cư, chuyển cư.

**Câu 5.** Cơ cấu thành phần kinh tế phản ánh được rõ rệt điều gì sau đây?

- A. Trình độ phân công lao động xã hội.                      B. Trình độ phát triển lực lượng sản xuất.  
C. Việc sử dụng lao động theo ngành.                      D. Việc sở hữu kinh tế theo thành phần.

## PHẦN TỰ LUẬN

### Nhận biết

- Hãy trình bày khái niệm đô thị hoá?
- Hãy phân tích các nhân tố tác động đến đô thị hoá?
- Phân tích tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư?
- Hãy nêu các loại nguồn lực từ bên ngoài mà một lãnh thổ có thể thu hút, tận dụng nhằm phát triển kinh tế?
- Trình bày khái niệm cơ cấu kinh tế. Phân biệt cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ?

### Thông hiểu

- Ghép ô bên trái với ô bên phải sao cho phù hợp?

#### VAI TRÒ CỦA CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Nguồn lực	Vai trò
1. Vị trí địa lí	a) Tạo môi trường và định hướng phát triển kinh tế.
2. Nguồn lực tự nhiên	b) Tạo thuận lợi hay gây khó khăn trong trao đổi, hợp tác giữa các lãnh thổ.
3. Nguồn lực kinh tế - xã hội	c) Quyết định năng suất lao động và là nền tảng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế. d) Là yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ.

- Nêu dẫn chứng để thấy nguồn lực tự nhiên tạo lợi thế quan trọng nhưng không đóng vai trò quyết định tới việc phát triển kinh tế của một lãnh thổ?
- Ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ?
- Hãy phân tích các nhân tố tác động đến gia tăng dân số?
- Hãy trình bày đặc điểm của ngành chăn nuôi?

### Vận dụng thấp

- So sánh sự khác nhau giữa GDP và GNI. Cho biết trong trường hợp nào GDP lớn hơn GNI và trong trường hợp nào GDP nhỏ hơn GNI?
- Hãy phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản?
- Trong các nhân tố, nhân tố nào có vai trò quyết định đến xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản? Tại sao?
- Ngành chăn nuôi phát triển có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển ngành trồng trọt và các ngành công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?
- Trình bày vai trò và đặc điểm của ngành thủy sản?

### Vận dụng cao

- Hãy nêu một số ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương em.
- Tìm hiểu và cho biết GDP và GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm gần đây nhất?

3. Hãy tìm hiểu tình hình biến động dân số (tăng, giảm) ở nơi em sống trong thời gian 5 năm trở lại đây và nguyên nhân dẫn tới sự biến động đó?

\* **ĐỀ MINH HỌA**

**SỞ GD VÀ ĐT HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I- LỚP 10**  
**MÔN: ĐỊA LÍ**  
**Thời gian : 45p**

**I. Trắc nghiệm ( 6đ) Chọn đáp án đúng**

**Câu 1.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn.
- B. học vấn và nguồn lao động.
- C. nguồn lao động và dân trí.
- D. dân trí và người làm việc

**Câu 2.** Tiêu chí nào sau đây được sử dụng để thể hiện tình hình phân bố dân cư?

- A. Quy mô số dân.
- B. Mật độ dân số.
- C. Cơ cấu dân số.
- D. Loại quần cư.

**Câu 3.** Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực có thể phân loại thành

- A. Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, trong nước.
- B. Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- C. Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, ngoài nước.
- D. Kinh tế - xã hội, trong nước, ngoài nước.

**Câu 4.** Nội dung chủ yếu nhất của cơ cấu kinh tế là

- A. các bộ phận hợp thành và quan hệ giữa chúng.
- B. tổng số chung và tất cả các bộ phận hợp thành.
- C. sự sắp xếp các bộ phận trong cả tổng thể chung.
- D. sự phân chia tổng thể chung thành các bộ phận.

**Câu 5.** Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, gồm

- A. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.
- B. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
- C. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.
- D. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

**Câu 6.** Một vùng có nhiều dân nhập cư đến thông thường có nhiều

- A. lao động nam
- B. lao động nữ.
- C. người cao tuổi.
- D. trẻ em nhỏ.

**Câu 7.** Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

- A. giới tính và theo lao động.
- B. lao động và theo tuổi.
- C. trình độ văn hoá và theo giới tính.
- D. lao động và trình độ văn hoá.

**Câu 8.** Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến cơ cấu theo giới tính?

- A. Kinh tế.
- B. Thiên tai.
- C. Tuổi thọ.
- D. Chuyển cư.

**Câu 9.** Tỷ số phụ thuộc của dân số biểu hiện quan hệ so sánh giữa dân số ngoài độ tuổi lao động với dân số

- A. trên độ tuổi lao động.
- B. dưới độ tuổi lao động.
- C. trong độ tuổi lao động.
- D. ở độ tuổi rất trẻ và già.

**Câu 10.** Tiêu chí nào sau đây cho biết một nước có dân số trẻ?

- A. Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 10%.
- B. Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.
- C. Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 15%.
- D. Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 15%

**Câu 11.** Cơ cấu dân số theo lao động là tương quan tỉ lệ giữa các bộ phận lao động trong

- A. tổng nguồn lao động xã hội.
- B. tổng số dân số của quốc gia.
- C. tổng người hoạt động kinh tế.
- D. lao động có việc làm cố định.

**Câu 12.** Hoạt động kinh tế nào sau đây không thuộc khu vực I?

- A. Nông nghiệp.
- B. Lâm nghiệp.
- C. Công nghiệp.
- D. Ngư nghiệp.

**Câu 13.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phân bố dân cư trên thế giới?

- A. Không đều trong không gian.
- B. Có biến động theo thời gian.
- C. Hiện tượng xã hội có quy luật.
- D. Hình thức biểu hiện quần cư.

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của đô thị hoá?

- A. Là một quá trình về văn hoá - xã hội.
- B. Quy mô và số lượng đô thị tăng nhanh.
- C. Tăng nhanh sự tập trung dân thành thị.
- D. Lối sống thành thị phổ biến rộng rãi.

**Câu 15.** Sự việc nào sau đây **không** được thúc đẩy nhanh bởi đô thị hoá?

- A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Sự thay đổi phân bố dân cư.
- D. Giảm sức ép tới môi trường.

**Câu 16.** Yếu tố nào sau đây của sản xuất nông nghiệp ít phụ thuộc vào đất đai hơn cả?

A. Qui mô sản xuất B. Mức độ thâm canh. C. Cơ cấu vật nuôi. D. tổ chức lãnh thổ.

**Câu 17.** Nhân tố ảnh hưởng làm cho sản xuất nông nghiệp có tính bấp bênh là

A. đất đai. B. nguồn nước. C. khí hậu. D. sinh vật.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của việc phát triển cây công nghiệp?

A. Làm sâu sắc thêm tính mùa vụ. B. Tận dụng được tài nguyên đất.

C. Phá vỡ thế sản xuất độc canh. D. Góp phần bảo vệ môi trường.

**Câu 19.** Phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây?

A. Tự nhiên. B. Trồng trọt. C. Công nghiệp. D. Thù y sản.

**Câu 20.** Biểu hiện nào sau đây **không** đúng với những tiến bộ của cơ sở thức ăn cho chăn nuôi hiện nay?

A. Các đồng cỏ tự nhiên được cải tạo. B. Đồng cỏ trồng giống cho năng suất cao.

C. Nhiều thức ăn chế biến từ công nghiệp. D. Diện tích mặt nước nuôi trồng tăng lên.

**Câu 21.** Các nhân tố nào sau đây có tác động mạnh mẽ đến cơ cấu theo lao động?

A. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế theo ngành. B. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế thành phần.

C. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần. D. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ.

**Câu 22.** Đặc điểm của đô thị hoá **không** phải là

A. dân cư thành thị theo hướng tăng nhanh. B. dân cư tập trung vào các thành phố lớn.

C. phổ biến rộng rãi lối sống của thành thị. D. phổ biến nhiều loại giao thông thành thị.

**Câu 23.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội?

A. Góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

B. Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

C. Làm ổn định lâu dài tình hình phân bố dân cư.

D. Làm thay đổi các quá trình hôn nhân ở đô thị.

**Câu 24.** Yếu tố có tính quyết định đến việc phân cư trên thế giới không đều là sự khác nhau về

A. phát triển kinh tế - xã hội. B. tâm lí, phong tục tập quán,

C. các điều kiện thiên nhiên. D. lịch sử quần cư, chuyển cư.

**Câu 25.** Nguồn lực nào sau đây có vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia?

A. Khoa học công nghệ. B. Đường lối chính sách.

C. Tài nguyên thiên nhiên. D. Dân cư và lao động.

## II. Tự luận (4đ)

1. Hãy nêu một số ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương em?

2. Cho bảng số liệu sau:

BẢNG 20.2. TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA THẾ GIỚI,  
GIAI ĐOẠN 1950 - 2020 (Đơn vị: %)

Năm	1950	1970	2000	2020
Thành thị	29,6	36,6	46,7	56,2
Nông thôn	70,4	63,4	53,3	43,8

- Vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị và nông thôn thế giới giai đoạn 1950 - 2020?

- Nêu nhận xét?

HẾT

*Học sinh chỉ được dùng Atlas thế giới. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

Hoàng Mai, ngày 14 tháng 2 năm 2024